

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**DANH HIỆU HỌC SINH GIỎI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020 - 2021**  
(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-KTCNV-HSSV ngày 13/11/2022 của Hiệu trưởng  
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương)

| TT                              | Stt theo danh hiệu | Lớp     | Mã số HS   | Họ và tên          | Ngày/tháng/năm sinh | Danh hiệu học sinh | Ghi chú |
|---------------------------------|--------------------|---------|------------|--------------------|---------------------|--------------------|---------|
| <b>A. KHÓA 18K12</b>            |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| <b>Khoa Kỹ thuật lạnh</b>       |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 1                               | 1                  | 18CDL2  | 18CDL2.21  | Lương Gia Huy      | 17/9/2003           | Giỏi               |         |
| 2                               | 2                  | 18CDL2  | 18CDL2.05  | Tô Huỳnh Quốc Đạt  | 11/8/2003           | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Công nghệ thông tin</b> |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 3                               | 1                  | 18KTHM2 | 18KTHM2.04 | Lê Thiên Quốc Bảo  | 13/12/2003          | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Điện tử</b>             |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 4                               | 1                  | 18DTCN2 | 18DTCN2.04 | Nguyễn Duy Dương   | 17/6/2000           | Giỏi               |         |
| <b>B. KHÓA 19K13</b>            |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| <b>Khoa Cơ điện tử</b>          |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 5                               | 1                  | 19CĐT2  | 19CDT2.07  | Mai Hữu Quân       | 6/10/2004           | Giỏi               |         |
| 6                               | 2                  | 19CĐT2  | 19CDT2.10  | Trần Quang Trà     | 17/10/2004          | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Kỹ thuật lạnh</b>       |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 7                               | 1                  | 19CĐL2  | 19CDL2.16  | Lê Quang Minh      | 23/9/2004           | Giỏi               |         |
| 8                               | 2                  | 19CĐL2  | 19CDL2.44  | Phạm Quốc Thái     | 8/3/2004            | Giỏi               |         |
| 9                               | 3                  | 19CĐL2  | 19CDL2.22  | Lê Hoàng Quý       | 25/8/2004           | Giỏi               |         |
| 10                              | 4                  | 19KTL2  | 19CDL2.04  | Trần Minh Đạt      | 20/7/2004           | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Điện tử</b>             |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 11                              | 1                  | 19SCMT2 | 19SCM2.05  | Tăng Huỳnh Đức     | 24/11/2004          | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Bảo trì cơ khí</b>      |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 12                              | 1                  | 19BCK1  | 19BTCK1.04 | Hồng Văn Chuyển    | 24/12/2001          | Giỏi               |         |
| 13                              | 2                  | 19BCK2  | 19BTCK2.02 | Nguyễn Hoàng Sơn   | 10/7/2003           | Giỏi               |         |
| 14                              | 3                  | 19BCK1  | 19BTCK1.03 | Nguyễn Hồng Chinh  | 11/9/1993           | Giỏi               |         |
| 15                              | 4                  | 19BCK1  | 19BTCK1.01 | Trịnh Công Thành   | 22/7/1997           | Giỏi               |         |
| 16                              | 5                  | 19BCK1  | 19BTCK1.02 | Nguyễn Hoàng Sơn   | 10/7/2003           | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Cơ khí chính xác</b>    |                    |         |            |                    |                     |                    |         |
| 17                              | 1                  | 19CGKL1 | 18CKC1.04  | Phan Minh Hiếu     | 26/8/1999           | Giỏi               |         |
| 18                              | 2                  | 19CGKL1 | 19CKC1.04  | Trương Thái Nguyên | 10/1/2000           | Giỏi               |         |
| 19                              | 1                  | 19CGKL2 | 19CKC2.08  | Khúc Kỳ Nam        | 19/4/2004           | Giỏi               |         |

[illegible]

| TT                           | Stt theo danh hiệu | Lớp     | Mã số HS    | Họ và tên             | Ngày/ tháng/ năm sinh | Danh hiệu học sinh | Ghi chú |
|------------------------------|--------------------|---------|-------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|---------|
| <b>Khoa Cơ điện tử</b>       |                    |         |             |                       |                       |                    |         |
| 51                           | 1                  | 20CĐT2  | 20TĐH2.005  | Nguyễn Nhật Trường    | 5/12/2005             | Giỏi               |         |
| 52                           | 2                  | 20CĐT2  | 20TĐH2.001  | Nguyễn Hoài Dư        | 4/10/2001             | Giỏi               |         |
| 53                           | 3                  | 20CĐT2  | 20TĐH2.004  | Lê Ngọc Thịnh         | 11/5/2005             | Giỏi               |         |
| 54                           | 4                  | 20CĐT2  | 20CĐT2.023  | Đặng Ngọc Bảo Vy      | 20/2/2004             | Giỏi               |         |
| 55                           | 5                  | 20CĐT2  | 20CĐT1.004  | Nguyễn Thành Nhật     | 14/5/2001             | Giỏi               |         |
| 56                           | 6                  | 20CĐT2  | 20CĐT2.010  | Nguyễn Văn Hiện Lập   | 29/7/2005             | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Kỹ thuật lạnh</b>    |                    |         |             |                       |                       |                    |         |
| 57                           | 1                  | 20CĐL1  | 20CĐL1.005  | Lê Trung Hiếu         | 15/12/1997            | Giỏi               |         |
| 58                           | 2                  | 20CĐL1  | 20CĐL1.004  | Lê Bá Duy             | 17/11/1999            | Giỏi               |         |
| 59                           | 3                  | 20CĐL1  | 20KTL1.007  | Lê Hoàng Thông        | 24/12/1996            | Giỏi               |         |
| 60                           | 1                  | 20CĐL2  | 20CĐL2.046  | Trần Xuân Thành       | 25/12/1996            | Giỏi               |         |
| 61                           | 2                  | 20CĐL2  | 20CĐL2.023  | Nguyễn Thành Nhân     | 7/1/2005              | Giỏi               |         |
| 62                           | 3                  | 20CĐL2  | 20CĐL2.030  | Trần Thành Tài        | 4/7/2005              | Giỏi               |         |
| 63                           | 4                  | 20CĐL2  | 20CĐL2.040  | Võ Anh Trục           | 29/10/2005            | Giỏi               |         |
| 64                           | 1                  | 20KTL2  | 20KTL1.008  | Nguyễn Văn Triêm      | 18/10/1998            | Giỏi               |         |
| 65                           | 2                  | 20KTL2  | 20KTL1.003  | Hồ Chí Linh           | 28/3/1997             | Giỏi               |         |
| 66                           | 3                  | 20KTL2  | 20KTL1.006  | Lê Hữu Trí            | 5/6/2004              | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Điện tử</b>          |                    |         |             |                       |                       |                    |         |
| 67                           | 1                  | 20SCMT2 | 20SCMT2.005 | Nguyễn Quang Đức      | 18/7/2005             | Giỏi               |         |
| 68                           | 2                  | 20SCMT2 | 20SCMT2.003 | Lý Diệu Cơ            | 9/6/2005              | Giỏi               |         |
| 69                           | 3                  | 20ĐTCN2 | 20ĐTCN1.003 | Nguyễn Tiến Thanh     | 29/7/1996             | Giỏi               |         |
| 70                           | 4                  | 20ĐTCN2 | 20ĐTCN2.005 | Phương Thế Ngọc       | 4/8/2005              | Giỏi               |         |
| 71                           | 5                  | 20ĐTCN2 | 20ĐTCN1.005 | Huỳnh Chí Tâm         | 21/1/2002             | Giỏi               |         |
| 72                           | 6                  | 20ĐTCN2 | 19ĐTCN2.15  | Nguyễn Đại Vĩ         | 24/9/2003             | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Bảo trì cơ khí</b>   |                    |         |             |                       |                       |                    |         |
| 73                           | 1                  | 20BCK2  | 20BCK2.013  | Ngô Chấn Khang        | 30/7/2005             | Giỏi               |         |
| 74                           | 2                  | 20BCK2  | 20BCK2.004  | Lê Văn Hiếu           | 28/10/2005            | Giỏi               |         |
| 75                           | 3                  | 20BCK2  | 20BCK2.014  | Nguyễn Lê Minh Khoa   | 11/3/2005             | Giỏi               |         |
| 76                           | 4                  | 20BCK2  | 20CNO2.116  | Trương Võ Thanh Quang | 23/11/2005            | Giỏi               |         |
| 77                           | 5                  | 20BCK2  | 20BCK2.022  | Giang Vũ Phương       | 4/6/1993              | Giỏi               |         |
| 78                           | 6                  | 20BCK2  | 20BCK2.011  | Trần Tuân Kiệt        | 27/2/2005             | Giỏi               |         |
| 79                           | 7                  | 20BCK2  | 20BCK2.028  | Mộc Nghĩa Thắng       | 10/12/2005            | Giỏi               |         |
| 80                           | 8                  | 20BCK2  | 20BCK1.005  | Cao Minh Tùng         | 2/11/2005             | Giỏi               |         |
| 81                           | 9                  | 20BCK2  | 20BCK2.030  | Trần Thuận Vinh       | 28/9/2005             | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Cơ khí chính xác</b> |                    |         |             |                       |                       |                    |         |

| TT                              | Stt theo danh hiệu | Lớp     | Mã số HS    | Họ và tên                | Ngày/ tháng/ năm sinh | Danh hiệu học sinh | Ghi chú |
|---------------------------------|--------------------|---------|-------------|--------------------------|-----------------------|--------------------|---------|
| 82                              | 1                  | 20CGKL1 | 20CGKL1.015 | Phạm Trọng Thuận         | 5/6/1999              | Giỏi               |         |
| 83                              | 2                  | 20CGKL1 | 20CGKL1.11  | Trần Khải Thịnh          | 8/12/1999             | Giỏi               |         |
| 84                              | 1                  | 20CGKL2 | 20CGKL2.004 | Phạm Nguyễn Thành Danh   | 25/7/2005             | Giỏi               |         |
| 85                              | 2                  | 20CGKL2 | 20CTKM2.002 | Lê Hoàng Khang           | 27/10/2005            | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Công nghệ thông tin</b> |                    |         |             |                          |                       |                    |         |
| 86                              | 1                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.077 | Huỳnh Nguyễn Quỳnh Nhi   | 24/3/2005             | Giỏi               |         |
| 87                              | 2                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.035 | Lê Vĩnh Hùng             | 6/11/2004             | Giỏi               |         |
| 88                              | 3                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.046 | Lê Minh Khang            | 1/10/2005             | Giỏi               |         |
| 89                              | 4                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.001 | Trần Nguyễn Thái An      | 2/3/2004              | Giỏi               |         |
| 90                              | 5                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.149 | Huỳnh Mỹ Yến             | 10/3/2005             | Giỏi               |         |
| 91                              | 6                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.088 | Trần Chánh Gia Phú       | 29/9/2005             | Giỏi               |         |
| 92                              | 7                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.020 | Nguyễn Hữu Đức           | 9/1/2005              | Giỏi               |         |
| 93                              | 8                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH1.010 | Nguyễn Khánh Thịnh       | 25/6/1999             | Giỏi               |         |
| 94                              | 9                  | 20TKĐH2 | 20TKĐH2.032 | Nguyễn Huy Hoàng         | 13/8/2003             | Giỏi               |         |
| 95                              | 1                  | 20QTM2  | 20QTM1.005  | Phạm Tấn Phúc            | 7/10/1990             | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Cơ khí động lực</b>     |                    |         |             |                          |                       |                    |         |
| 96                              | 1                  | 20CNO2  | 20CNO2.064  | Bùi Tuấn Kiệt            | 10/12/1999            | Giỏi               |         |
| 97                              | 2                  | 20CNO2  | 20CNO2.140  | Nguyễn Huỳnh Giang Thanh | 25/2/2005             | Giỏi               |         |
| 98                              | 3                  | 20CNO2  | 20CNO2.086  | Phạm Quốc Lực            | 17/8/1997             | Giỏi               |         |
| 99                              | 4                  | 20CNO2  | 20CNO2.002  | Phùng Quốc An            | 1/8/2005              | Giỏi               |         |
| 100                             | 5                  | 20CNO2  | 20CNO2.123  | Trương Anh Tài           | 15/6/2005             | Giỏi               |         |
| <b>Bộ môn Kỹ thuật nữ công</b>  |                    |         |             |                          |                       |                    |         |
| 101                             | 1                  | 20MTT2  | 20MTT2.007  | Phan Phương Nghi         | 23/8/2004             | Giỏi               |         |
| 102                             | 2                  | 20MTT2  | 20MTT2.015  | Đặng Ngọc Như Quỳnh      | 19/5/1996             | Giỏi               |         |
| 103                             | 3                  | 20MTT2  | 20MTT2.003  | Lương Kim Hiền           | 8/11/2005             | Giỏi               |         |
| <b>Khoa Điện</b>                |                    |         |             |                          |                       |                    |         |
| 104                             | 1                  | 20ĐCN2  | 20ĐCN1.005  | Võ Nam Sương             | 14/7/1993             | Giỏi               |         |
| 105                             | 2                  | 20ĐCN2  | 20ĐCN2.019  | Trịnh Đình Đức           | 21/12/2000            | Giỏi               |         |

Tổng cộng danh sách có **105** học sinh được nhận giấy khen danh hiệu Giỏi Học kỳ II năm học 2020 – 2021./.



**Phạm Quang Trang Thủy**

Quận 5, ngày 13 tháng 9 năm 2022  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**PHÒNG CTHSSV**

**Nguyễn Sơn**